

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08-12-2021

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Chiến

2. Ông Hồ Xuân Dũng

- Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Mai Đoan Thục - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 03/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 290/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1992 (có mặt)

HKTT: Thôn Trung Lý, xã Nhơn Phong, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

Hiện trú tại: Thôn Liêm Định, xã Nhơn Phong, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Quang B, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Trung Lý, xã Nhơn Phong, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T trình bày:** Chị và anh Nguyễn Quang B tự nguyện tổ chức lễ cưới vào năm 2011 có đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi cưới, vợ chồng sống tại nhà cha mẹ chồng ở thôn T, xã N, vợ chồng chung sống

được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh B có tính ghen tuông và vũ phu, chị mua bán trái cây ở TP. H, mỗi lần đi bán thời gian khoảng 2-3 tháng thì về nhà nửa tháng nhưng anh B không thông cảm mà tỏ ra ghen tuông vô cớ, nói chị đi trai gái rồi vợ chồng cãi nhau và anh B nhiều lần đánh chị. Mỗi lần bị anh B đánh thì chị thường bỏ về nhà mẹ ruột ở được một thời gian rồi quay lại chung sống nhưng anh B vẫn ghen tuông vô cớ nên vợ chồng luôn mâu thuẫn căng thẳng. Vào ngày mùng 3 Tết năm 2021 anh B tỏ ra ghen tuông khi chị đặt mặt khẩu điện thoại di động nên vợ chồng cãi nhau, anh B chửi mắng xúc phạm và nắm tóc chị đập đầu vào tường. Sau đó chị bỏ về nhà mẹ ruột ở thôn L, xã N sống; từ khi chị về nhà mẹ ruột thì anh B không có lần nào đến thuyết phục chị về chung sống. Chị quyết định gửi đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn nhưng sau đó rút đơn, đến tháng 8/2021 con trai lớn bị bệnh viêm não cấp, chị đến thăm con thì anh B xua đuổi dọa vào nhà là anh giết nên từ đó chị không đến nữa, vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2021. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Quang B.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con tên Nguyễn Anh V sinh ngày 25.9.2012 và Nguyễn Minh N sinh ngày 01.01.2018, cháu V đang sống với anh B còn cháu N đang sống với chị. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu N, giao cháu V cho anh B nuôi, không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo biên bản ghi lời khai bị đơn anh Nguyễn Quang B trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thị Hồng T cưới nhau đã được 10 năm có đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi cưới vợ chồng sống tại nhà cha mẹ anh ở xã N, vợ chồng chung sống không hạnh phúc do tính tình vợ chồng không hợp. Bản thân chị T có mối quan hệ bên ngoài nên giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, từ đầu năm 2021 T bỏ về nhà cha mẹ ruột sống không liên lạc gì với anh, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị T nộp đơn ly hôn thì anh xác định vợ chồng không còn tình cảm nên thống nhất ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Anh V sinh ngày 25.9.2012 và Nguyễn Minh N sinh ngày 01.01.2018, hiện cháu V đang sống với anh còn cháu N đang sống với chị T. Ly hôn anh thống nhất giao cháu N cho chị T nuôi dưỡng, giao cháu V cho anh nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định

về án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Nguyễn Quang B.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh N cho chị Nguyễn Thị Hồng T chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Anh V cho anh Nguyễn Quang B chăm sóc, nuôi dưỡng, không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết

Về án phí: Buộc các đương sự phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Quang B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Nguyễn Quang B tự nguyện xác lập hôn nhân vào năm 2011 được UBND xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Chị T và anh B cùng xác định trong quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ việc tính tình không hợp, bản thân chị T cho rằng anh B luôn nghi ngờ ghen tuông vô cớ và đánh chị, ngược lại anh B cho rằng chị T có mối quan hệ bên ngoài; Chứng tỏ trong cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh B thiếu sự tin tưởng lẫn nhau dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và sống ly thân từ tháng 01 năm 2021. Tháng 02 năm 2021 chị T nộp đơn ly hôn với anh B, trong quá trình Tòa án giải quyết thì đến tháng 7 năm 2021 chị T rút đơn ly hôn nhằm hàn gắn hạnh phúc gia đình. Nhưng sau khi rút đơn ly hôn thì vợ chồng mâu thuẫn càng căng thẳng hơn và vẫn tiếp tục sống ly thân cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh B cùng xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên thống nhất thuận tình ly hôn, tuy nhiên anh B không đến Tòa án và có đơn không yêu cầu hòa giải nên Tòa án không tiến hành phiên họp hòa giải để ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị T và anh B. Trên cơ sở xem xét yêu cầu của chị T, anh B thấy rằng việc thuận tình ly hôn của hai anh chị là tự nguyện, phù hợp với thực tế mâu thuẫn sống ly thân nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Nguyễn Quang B.

[2.2] Về con chung: Chị T, anh B xác định vợ chồng có 02 người con tên Nguyễn

Anh V sinh ngày 25.9.2012 và Nguyễn Minh N sinh ngày 01.01.2018. Chị T và anh B cùng thống nhất giao người con Nguyễn Anh V cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng, giao người con Nguyễn Minh N cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy việc thỏa thuận về trách nhiệm nuôi dưỡng con sau ly hôn giữa chị T và anh B là phù hợp với thực tế chị T đang nuôi dưỡng người con Nguyễn Minh N còn anh B đang nuôi dưỡng người con Nguyễn Anh V và hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của cháu V. Do đó Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của T, anh B về trách nhiệm nuôi dưỡng con sau ly hôn. Chị T, anh B không yêu cầu dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.3] Tài sản chung và nợ chung: Chị T, anh B không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội số 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và mục 11 phần IV giải đáp số 02/TANDTC ngày 02.8.2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao v/v giải đáp một số vướng mắc trong xét xử thì chị T phải chịu 75.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ, còn 225.000đ được hoàn trả cho chị T theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004899 ngày 05 tháng 10 năm 2021 của chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn. Anh Nguyễn Quang B phải chịu 75.000đ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội số 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và mục 11 phần IV giải đáp số 02/TANDTC ngày 02.8.2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao v/v giải đáp một số vướng mắc trong xét xử.

Tuyên xử:

1/ Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Nguyễn Quang B

2/ Trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau ly hôn:

2.1 Giao người con tên Nguyễn Anh V sinh ngày 25.9.2012 cho anh Nguyễn Quang B tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến tuổi trưởng thành. Giao người con tên Nguyễn Minh N sinh ngày 01.01.2018 cho chị Nguyễn Thị

Hồng T tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến tuổi trưởng thành.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.2 Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T, anh B không yêu cầu giải quyết

3/ Tài sản chung và nợ chung: Chị T, anh B không yêu cầu giải quyết

4/ Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hồng T phải chịu 75.000đ được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, còn lại 225.000đ (hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Hồng T theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004899 ngày 05 tháng 10 năm 2021 của chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn. Anh Nguyễn Quang B phải chịu 75.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm.

5/ Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Nguyễn Quang B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND TX. An Nhơn
- Chi cục THA TX. An Nhơn
- UBND xã N
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mỹ Lệ

